TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 100/2026/QĐST-DS	*Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 153/2026/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (MB);

Địa chỉ: Số A L, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mạc Đức T1 – Giám đốc Chi nhánh M2 và T - Công ty M3. Ông Mạc Đức T1 ủy quyền lại cho một hoặc các ông Vương Duy T2, ông Nguyễn Thạc H và ông Nguyễn Lê Anh K tham gia tố tụng tại Tòa án

Cùng địa chỉ: Tầng C, số A L, phường H, Thành phố Đà Nẵng.

- ***Bị đơn***:

1. Anh Lê Đình D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ D L, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Những người thừa kế của chị Lê Thị Trâm A, sinh năm 1986 (đã chết)

2.1. Ông Lê Văn T3, sinh năm 1952. (Bố chị Trâm A).

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Bà Trương Thị M, sinh năm 1955 (Mẹ chị Trâm A).

2.3. Anh Lê Đình D, sinh năm 1984 (Chồng chị Trâm A).

2.4. Cháu Lê Quang M1, sinh năm 2011 (Con chị Trâm A).

Đại diện hợp pháp của cháu M1 là anh Lê Đình D, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Tổ D L, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Lê Đình D và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A nói trên trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền vay theo Hợp đồng cho vay số 0001.25.955.37573511.TD ngày 11/3/2025 tính đến ngày 29/7/2026 là 5.280.157.188 đồng *(Năm tỷ hai trăm tám mươi triệu một trăm năm mươi bảy nghìn một trăm tám mươi tám đồng)*. Trong đó: nợ gốc là: 4.900.000.000 đồng, nợ lãi: 380.157.188 đồng. Thời hạn trả tiền vào ngày quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Kể từ ngày 30/7/2026 anh Lê Đình D và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A nói trên còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Trong trường hợp đến hạn trả mà anh Lê Đình D và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A nói trên không trả đúng, trả đủ khoản nợ nói trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 22, tại địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 949717, số vào sổ cấp GCN CS09768 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 10/10/2022; đăng ký biến động ngày 06/01/2025 và ngày 09/01/2025 chuyển nhượng cho ông Lê Đình D để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi và chi phí tố tụng cho Ngân hàng.

2.4. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A nói trên trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng tính đến ngày 29/7/2026 là: 382.959.424 đồng *(Ba trăm tám mươi hai triệu chín trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng).* Trong đó gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi là 82.959.424 đồng. Thời hạn trả tiền vào ngày quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật. Việc thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên trong phạm vi di sản do chị Lê Thị Trâm A để lại. Trường hợp chị Lê Thị Trâm A không để lại di sản thì những người thừa kế không phải sử dụng tài sản cá nhân của mình để trả nợ.

2.5. *Về án phí và chi phí tố tụng*: Căn cứ Điều 144; khoản 3 Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24; khoản

7 Điều 26 Nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc: Tổng cộng là 12.800.000 đồng anh Lê Đình D nhận chịu. Ngân hàng đã tạm ứng nên anh Lê Đình D phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q 12.800.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Lê Đình D chịu 56.640.079 đồng *(Năm mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn không trăm bảy mươi chín đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền trả nợ theo hợp đồng tín dụng.

+ Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A nói trên chịu 9.503.930 đồng *(Chín triệu năm trăm lẻ ba nghìn chín trăm ba mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng. Việc thực hiện nghĩa vụ chịu án phí này trong phạm vi di sản do chị Lê Thị Trâm A để lại. Trường hợp chị Lê Thị Trâm A không để lại di sản thì những người thừa kế cũng không phải sử dụng tài sản cá nhân của mình để trả số tiền án phí này.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 56.785.875 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0002397 ngày 27/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7- Quảng Ngãi.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Tiến